

Số: 47/BC-THCSHM

Huổi Mí, ngày 30 tháng 8 năm 2024.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học: 2023-2024

Thực hiện thông tư số: 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ GD&ĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ ở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường PTDTBT THCS Huổi Mí báo cáo công tác hoạt động của đơn vị năm 2023-2024, cụ thể như sau:

I. Thông tin chung của đơn vị.

Tên trường: **TRƯỜNG PTDTBT THCS HUỖI MÍ**

Cơ quan chủ quản: **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ**

| | | | |
|--------------------------------|-----------|------------------------------|---|
| Tỉnh | Điện Biên | Họ và tên hiệu trưởng | Lò Văn Tuấn |
| Huyện | Mường Chà | Điện thoại | 0916.099.523 |
| Xã | Huổi Mí | Email cá nhân | tuanlv.thcsnamhe.muongcha@dienbien.edu.vn |
| Đạt chuẩn quốc gia | | Website trường | http://theshuoimi.muongcha.edu.vn/ |
| Năm thành lập | 2009 | Email trường | ptdtbtthcsuoimi.muongcha@dienbien.edu.vn |
| Công lập | X | Số điểm trường | 0 |
| Tư thục | 0 | Loại hình khác | 0 |
| Trường chuyên biệt | 0 | Thuộc vùng khó khăn | 0 |
| Trường liên kết với nước ngoài | 0 | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | X |

Huổi Mí là xã vùng cao đặc biệt khó khăn của huyện Mường Chà. Về địa lí phía đông giáp xã Nậm Nèn, xã Pu Xi huyện Tuần Giáo, phía Bắc giáp xã xã Hừa Ngải; Phía Nam giáp xã Na Sang, phía Tây giáp Thị trấn Mường Chà. Với diện tích đất tự nhiên là: 13.927,92 ha, chủ yếu là đồi núi, gồm 10 bản = 733 hộ và 4.182 khẩu 5 dân tộc anh em cùng sinh sống: Dân tộc thái chiếm 2,97%; Dân tộc Mông chiếm 84,34%; Dân tộc Kinh chiếm 0,17%; Dân tộc Mường chiếm 0,14%; dân tộc khơ mú chiếm 12,7%. Số hộ nghèo trong toàn xã chiếm 62%.

Trường PTDTBT THCS Huổi Mí được thành lập theo Quyết định số 617/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 6 năm 2009 trải qua hơn 15 năm phấn đấu và trưởng thành nhà trường đã không ngừng phát triển, từng bước ổn định và đi vào hoạt động có hiệu quả.

Trường có 1 hội đồng trường với 13 thành viên được thành lập đúng quy định.

Ban giám hiệu nhà trường gồm 3 đồng chí có năng lực và được bổ nhiệm theo đúng quy định.

Trường có cơ sở vật chất gồm 10 phòng học, 5 phòng chức năng, 18 phòng nội trú (trong đó 9 phòng tạm), 2 phòng quản lý học sinh tạm, 6 phòng công vụ tạm, 01 nhà bếp tạm, 01 nhà ăn tạm và hệ thống các phòng hành chính, được trang bị khá đầy đủ, phục vụ tốt cho giảng dạy và học tập và chăm sóc nuôi dưỡng học sinh. Được sự quan tâm của UBND huyện, sự chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ giáo viên, học sinh. Trường PTDTBT THCS Huổi Mí đã đạt chuẩn PC GDTHCS mức độ 3 năm 2024.

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và Đào tạo, Thông tư 03/2023/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và Đào tạo; Trường PTDTBT THCS Huổi Mí thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn xã Huổi Mí: Giảng dạy, huy động trẻ em lứa tuổi THCS đến trường; tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục THCS. Dưới sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, chính quyền địa phương, đặc biệt Phòng GD&ĐT huyện Mường Chà, cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ giáo viên, học sinh nhà trường, chất lượng giáo dục đã có những chuyển biến rõ rệt, cụ thể:

Chất lượng học tập và rèn luyện đạo đức của học sinh luôn đảm bảo và ngày một nâng cao. Hàng năm nhà trường đều có học sinh giỏi cấp huyện.

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ các năm học.

Công tác thu chi tài chính của nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc theo đúng nguyên tắc tài chính.

Với những nỗ lực đó nhà trường đã đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận: Từ năm 2021 đến nay nhà trường luôn duy trì danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, nhiều giấy khen của các cấp, hàng năm 100% giáo viên, nhân viên LĐTT, nhiều cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và được tặng Giấy khen, Bằng khen của UBND tỉnh. Tuy nhiên, để đáp ứng được yêu cầu của giáo dục trong giai đoạn hiện nay, đòi hỏi nhà trường phải không ngừng đổi mới, tích cực hòa nhập, giao lưu học hỏi, tiếp cận, tiếp thu những kiến thức, những kinh nghiệm tiên tiến của trường bạn về áp dụng vào trường mình một cách phù hợp, hiệu quả. Một yêu cầu đặt ra với cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh trường PTDTBT THCS Huổi Mí là phải luôn luôn cố gắng, học hỏi để nâng cao chất lượng, phấn đấu trường trung học cơ sở đạt kiểm định chất lượng mức 2 và chuẩn quốc gia trong năm 2024.

II. Đội ngũ nhà giáo cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Đội ngũ Cán bộ, giáo viên, nhân viên tính đến 15/08/2024.

| | TS | Nữ | DT | Đảng viên | Trình độ chuyên môn | | | | | | Biên chế | Hợp đồng |
|----------------------------|----------|----------|----------|-----------|---------------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| | | | | | ThS | Đ H | C Đ | T C | S C | CQ ĐT | | |
| 1. Ban giám hiệu | | | | | | | | | | | | |
| Hiệu trưởng | 1 | 0 | 1 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | |
| Phó hiệu trưởng | 2 | 0 | 0 | 2 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | |
| 2. GV giảng dạy | | | | | | | | | | | | |
| - Văn, Sử, GDCD | 5 | 1 | 5 | 5 | 0 | 5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 | |
| - Toán, Lý, CN | 5 | 2 | 2 | 4 | 0 | 5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 | |
| - Sinh, Hoá, Địa | 1 | 0 | 1 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | |
| - Tin | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | |
| - Thể dục | 2 | 0 | 2 | 2 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | |
| - Ngoại ngữ | 2 | 0 | 2 | 2 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | |
| - Âm nhạc | 1 | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | |
| - Mỹ thuật | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3. TPT Đội TNTP HCM | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | |
| Bán chuyên trách | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | |
| 4. Nhân viên | 3 | 0 | 2 | 2 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 2 | 1 |
| Thiết bị | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| Thư viện | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| Y tế | 1 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 1 | |
| Kế toán | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | |
| Văn thư | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| Bảo vệ | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 |

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, và đạt chuẩn nghề nghiệp từ khá trở lên,

- 100% cán bộ giáo viên hoàn thành các chương trình bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

III. Cơ sở vật chất.

Hiện nay cơ sở vật chất của nhà trường đã được đầu tư CSVC tương đối khang trang và sạch sẽ:

- Phòng chức năng: 7 phòng kiên cố
- Phòng học bộ môn gồm: 1 phòng Ngoại ngữ, 1 Phòng tin học, 01 phòng Nghệ thuật (tạm), 02 phòng KHTN, 1 phòng KHXH.
- Phòng hỗ trợ học tập: 1 Phòng Thư viện, 1 phòng thiết bị.
- Phòng quản trị hành chính: 1 phòng BV.
- Phòng phụ trợ: 1 phòng Tổ CM, 1 phòng y tế tư vấn tâm lý và hỗ trợ học tập cho học sinh.
- Phòng phục vụ sinh hoạt: 18 phòng ở nội trú HS, 6 phòng công vụ GV, 2

phòng QL HS (phòng trực), 1 nhà bếp và kho (tạm), 1 nhà ăn (tạm), 1 nhà kho (tạm)

- Công trình phụ trợ: 1 nhà VS của GV; 2 nhà VS của HS; 1 công trình cấp nước (khe núi); có công trường, tường rào, sân TDDT của HS...

- Đất: Tổng diện tích đất là 8034,4 m² diện tích tối thiểu cho 1 học sinh là 21 m²/học sinh, đảm bảo theo quy định.

- Số thiết bị giáo dục phục vụ cho công tác dạy và học đảm bảo và đạt 70% số thiết bị đáp ứng yêu cầu của chương trình GDPT 2018.

- Sách giáo khoa được lựa chọn và sử dụng bộ sách “Kết nối tri thức” của nhà xuất bản Giáo dục để thực hiện giảng dạy trong nhà trường.

IV. Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm học 2023-2024 nhà trường thành lập hội đồng tự đánh giá và tiến hành tự đánh, cải tiến chất lượng hàng năm.

Theo kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 02 và trường chuẩn quốc gia mức độ 1 vào tháng 12 năm 2024.

Đạt chuẩn PCGD THCS Mức độ 3 năm 2024.

V. Kết quả hoạt động giáo dục.

Năm học 2023-2024 nhà trường tuyển sinh được 106 em đạt 100% vào lớp 6 với phương thức tuyển sinh là xét tuyển.

Thực hiện nghiêm kế hoạch giáo dục của nhà trường với các khối 6,7,8 thực hiện chương trình GDPT 2018, khối 9 thực hiện chương trình GDPT 2006, đảm bảo kế hoạch và mục tiêu đặt ra.

Trong năm học nhà trường đã xây dựng các quy chế dân chủ, quy chế chuyên môn, quy chế làm việc, quy chế phối hợp giữa nhà trường và xã hội nhằm nâng cao chất lượng công việc, giáo dục đạo đức học sinh.

Năm học 2023-2024:

Tổng số học sinh: 331 trong đó có 9 lớp (3 lớp 6; 2 lớp 7; 2 lớp 8; 2 lớp 9) đạt 100% kế hoạch giao.

- Về chất lượng giáo dục học sinh trong năm học 2023 - 2024:

+ Kết quả chuyển lớp thăng: $327/331 = 98,8\%$

+ Tỷ lệ HS tốt nghiệp THCS: $55/55 = 100\%$

- Đối với lớp 6,7,8:

Kết quả rèn luyện:

| Xếp loại Tổng số HS | Tốt | | Khá | | Đạt | | Chưa đạt | |
|------------------------|----------|-----------|----------|-----------|----------|-----------|----------|-----------|
| | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) |
| 276 | 192 | 69,6 | 61 | 22,1 | 23 | 8,3 | 0 | 0 |

Kết quả học tập:

| Xếp loại Tổng số HS | Tốt/Giỏi | | Khá | | Đạt/TB | | Chưa đạt/yếu | |
|------------------------|----------|-----------|----------|-----------|----------|-----------|--------------|-----------|
| | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) |
| 276 | 23 | 8,3 | 87 | 31,5 | 162 | 58,7 | 4 | 1,5 |

- Đối với lớp 9:

Hạnh kiểm:

| Xếp loại Tổng số HS | Tốt | | Khá | | Trung bình | | Yếu | |
|------------------------|----------|-----------|----------|-----------|------------|-----------|----------|-----------|
| | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) |
| 55 | 35 | 63,6 | 16 | 29,1 | 4 | 7,3 | 0 | 0 |

Học lực:

| Xếp loại Tổng số HS | Giỏi | | Khá | | Trung bình | | Yếu | |
|------------------------|----------|-----------|----------|-----------|------------|-----------|----------|-----------|
| | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) |
| 55 | 5 | 9,1 | 23 | 41,8 | 27 | 49,1 | 0 | 0 |

- Năm 2023-2024 có 30,9% học sinh TN THCS tham gia thi tuyển sinh và trúng tuyển vào lớp 10 các trường THPT và TTGDTX trên địa bàn huyện và tỉnh.

* Tham gia các cuộc thi:

- Học sinh đạt giải thi HSG các môn văn hóa lớp 9 cấp trường: 14 em.
 - Học sinh đạt giải thi HSG các môn văn hóa lớp 9 cấp Huyện: 0 em.
 - Học sinh đạt giải thi Olympic cấp trường: 20 em.
 - Học sinh đạt giải thi Olympic cấp Huyện: 04 em.
 - Học sinh tham gia Hội khỏe Phù Đổng: 01 giải nhất, 1 giải Ba cấp huyện.
 - Học sinh tham gia cuộc thi “Điệu nhảy đường phố, Vũ điệu sân trường” đạt giải KK cấp huyện.
 - Tham gia Học sinh tham gia cuộc thi “Vẽ tranh cho thiếu nhi” năm 2024 với chủ đề “Sắc màu Điện Biên” không đạt giải.
 - Học sinh tham gia NCKH, có 04 dự án tham gia, đạt 01 giải KK cấp huyện.
- Tham gia thi Sáng tạo TTNĐ có 01 sản phẩm đạt giải A, 01 giải KK cấp huyện.

VI. Kết quả tài chính.

a) Thu phí, lệ phí

Tổng số thu trong năm: 0 đồng;

- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 0 đồng;
- Số phí được khấu trừ, để lại: 0 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1a đính kèm)

b) Quyết toán chi ngân sách:

Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng;

Dự toán được giao trong năm: 6.662.635.200 đồng, trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm: 0 đồng;

+ Dự toán bổ sung trong năm: 0 đồng;

- Kinh phí thực nhận trong năm: 6.662.635.200 đồng

- Kinh phí quyết toán: 6.658.865.200 đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: 3.770.000 đồng

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng

VII. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác.

Không

Nơi nhận

- Website;
- Phòng GD&ĐT (b/c);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lò Văn Tuấn